

## A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Hiểu được tình cảnh thê thảm của người nông dân nước ta trong nạn đói khủng khiếp năm 1945 do thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra.

– Hiểu được niềm khát khao hạnh phúc gia đình, niềm tin bất diệt vào cuộc sống và tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau giữa những con người lao động nghèo khổ ngay trên bờ vực thẳm của cái chết.

– Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật : sáng tạo tình huống, gợi không khí, miêu tả tâm lí, dụng đối thoại.

## B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

### I – NỘI DUNG

#### 1. Đặc điểm bài học

a) *Vợ nhật* là một truyện ngắn xuất sắc của Kim Lân viết về tình cảnh thê thảm của người nông dân trong nạn đói khủng khiếp vào mùa xuân năm 1945.

Vì vậy, GV cần giúp cho HS hiểu được nạn đói khủng khiếp năm 1945, một trong những trang bi thảm nhất của lịch sử dân tộc ta. Đầu năm 1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, cùng với thực dân Pháp áp bức, bóc lột nhân dân ta ; nhân dân ta lâm vào tình trạng một cổ hai tròng. Ở miền Bắc, Nhật bắt nông dân phải nhổ lúa để trồng đay, trong khi đó Pháp tăng thuế, ra sức vơ vét thóc gạo. Mùa xuân Ất Dậu năm 1945, từ Lạng Sơn đến Quảng Trị, dân ta lâm vào nạn đói chưa từng có trong lịch sử : hơn hai triệu người chết đói thê thảm. Có làng chết gần hết, nhiều người chết lả trên đường đi, nơi gốc cây, ven đường, hè nhà, quán chợ,... Nhiều gia đình, nhiều người phải ăn cháo cám, ăn rau, ăn củ chuối... thay cơm (gia đình nhà văn Kim Lân cũng đã từng phải ăn cháo cám trong những ngày đói ấy).

Sự thật bi thảm này đã từng được miêu tả trong những trang viết của Văn Cao (trong *Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc*), của Tố Hữu (trong *Xuân đến và Đói ! Đói !*),

của Nguyễn Hồng (trong *Địa ngục*), của Tô Hoài (trong *Mười năm*), của Nguyễn Đình Thi (trong *Vỡ bờ*),... Kim Lân đã phản ánh hiện thực đó qua truyện ngắn xuất sắc : *Vợ nhặt*.

GV cũng có thể sưu tầm, giới thiệu tư liệu (tranh, ảnh,...) để giúp HS hình dung được một cách cụ thể về nạn đói khủng khiếp này.

b) Nhưng vượt lên tình cảnh bi thảm đó là niềm khao khát mãnh liệt của người dân lao động về hạnh phúc gia đình và niềm tin bất diệt của họ đối với sự sống và tương lai, là tình thương yêu, cứu mang đùm bọc lẫn nhau của những con người nghèo khổ ngay trên bờ vực thẳm của cái chết. Đó là giá trị nhân đạo sâu sắc, đầy cảm động của truyện ngắn này.

c) Đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn *Vợ nhặt* được thể hiện rõ nhất trong việc sáng tạo tình huống và nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật.

## **2. Trọng tâm bài học**

*Vợ nhặt* là một truyện ngắn khá dài, không thể phân tích sâu các chi tiết trong hai tiết học. Cần tập trung vào các vấn đề sau :

- Tình huống độc đáo của truyện.
- Niềm khao khát hạnh phúc gia đình được thể hiện qua nhân vật Tràng.
- Niềm tin vào cuộc sống và tình thương giữa những người nghèo khổ được thể hiện chủ yếu qua nhân vật bà cụ Tứ.

## **II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

### **1. Phương pháp dạy học**

- Nêu vấn đề, phát vấn, đàm thoại kết hợp với diễn giảng.
- Có thể tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm.
- Khi giảng từng phần, nên chọn những đoạn đặc sắc để HS đọc diễn cảm.

### **2. Tiến trình tổ chức dạy học**

#### **a) Phần *Tiểu dẫn***

GV gọi một HS đọc phần *Tiểu dẫn* trong SGK, sau đó chốt lại mấy điểm sau :

- Kim Lân là nhà văn chuyên viết truyện ngắn, thế giới nghệ thuật của ông tập trung ở khung cảnh nông thôn và hình tượng người nông dân.

– *Vợ nhặt* là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân có tiền thân là tiểu thuyết *Xóm ngụ cư* viết ngay sau Cách mạng tháng Tám, nhưng bị mất bản thảo. Sau khi hoà bình lập lại (1954), tác giả dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết truyện ngắn này.

– Có thể gọi không khí của nạn đói khủng khiếp năm 1945 – bối cảnh làm nền cho truyện ngắn *Vợ nhặt*.

b) Phần *Hướng dẫn học bài*

### **Câu 1**

– GV hướng dẫn HS chia đoạn và nêu ý chính của mỗi đoạn.

– Về tính mạch lạc hợp lí của truyện, GV cần hướng dẫn cho HS nhận ra các cảnh được miêu tả trong truyện đều được xuất phát từ tình huống anh Tràng lấy được vợ giữa những ngày đói khủng khiếp. Nhưng tác phẩm lại mở đầu bằng cảnh : Tràng đưa người “vợ nhặt” về nhà gặp mẹ.

GV có thể đặt câu hỏi cho HS : Nếu tác giả đưa đoạn thứ hai lên trước (theo trình tự thời gian) thì có làm giảm sức hấp dẫn của truyện đi không ?

### **Câu 2**

– Người dân xóm ngụ cư ngạc nhiên khi thấy Tràng đi cùng với một người đàn bà lạ về nhà (có vợ theo không) vì :

+ Người như Tràng mà lấy được vợ (một anh nhà nghèo xấu trai, lại là dân ngụ cư).

+ Thời buổi đói khát này, người như Tràng, đến nuôi thân còn chẳng xong mà còn dám lấy vợ.

Nhưng khốn nỗi, nếu không gặp tình cảnh này thì ai mà thèm lấy Tràng. Đau xót ở chỗ, đây là “vợ nhặt”, có cần ăn hỏi, cheo cưới gì đâu. Đói khát như thế, mọi việc đều có thể bỏ qua, cho nên Tràng mới lấy được vợ.

Trong tình cảnh như vậy, việc Tràng lấy được vợ, thậm chí có vợ theo, là một chuyện lạ, nên ai cũng ngạc nhiên. Cả người lớn lẫn trẻ con xóm ngụ cư ngạc nhiên. Bà cụ Tứ (mẹ Tràng) ngạc nhiên. Và ngay cả Tràng cũng ngạc nhiên : “Nhìn thị ngồi ngay giữa nhà, đến bây giờ hấn vẫn còn ngờ ngợ như không phải thế. Ra hấn đã có vợ rồi đấy ư?”.

– Kim Lân đã sáng tạo được một tình huống truyện độc đáo. Tình huống này được gợi ra ngay từ nhan đề của tác phẩm : *Vợ nhặt*. Như trên đã nói, trong tình cảnh đói khát khủng khiếp, người ta chết đói đầy đường, bản thân Tràng cũng đang trong cảnh đến nuôi thân còn chẳng xong, bỗng nhiên lại có vợ theo không về.

Tình huống vừa lạ, vừa hết sức éo le nói trên là đầu mối cho sự phát triển của truyện, tác động đến diễn biến tâm trạng và hành động của các nhân vật. Qua tình huống độc đáo này, chủ đề của tác phẩm được bộc lộ.

### *Câu 3*

– Nhan đề *Vợ nhặt* đã tạo được ấn tượng, kích thích sự chú ý của người đọc. Đây không phải là cảnh lấy vợ làng hoàng, có ăn hỏi, có cưới xin theo phong tục truyền thống của người Việt, mà là “nhặt được vợ”.

– Chỉ riêng hai chữ “vợ nhặt” cũng đã nói lên khá nhiều về cảnh ngộ, số phận của Tràng và cả của người đàn bà xa lạ nữa. Đúng là anh Tràng đã nhặt được vợ. Cái giá của con người chưa bao giờ lại rẻ rúng đến như vậy. Chuyện Tràng nhặt được vợ đã nói lên tình cảnh thê thảm và thân phận tủi nhục của người nông dân nghèo trong nạn đói khủng khiếp năm 1945.

### *Câu 4*

Trong truyện ngắn *Vợ nhặt*, niềm khát khao tổ ấm gia đình được thể hiện chân thực và có chiều sâu qua nhân vật Tràng. Lúc đầu, khi có ý định đưa người đàn bà xa lạ về nhà, không phải Tràng không có chút phân vân, do dự : “Mới đầu anh chàng cũng chợn, nghĩ : thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bồng”. Nhưng sau một thoáng do dự, hắn đã tặc lưỡi một cái : “Chậc, kệ !” rồi đưa người đàn bà xa lạ về nhà. Cái quyết định và hành động của Tràng thể hiện niềm khát khao hạnh phúc gia đình của người nông dân nghèo khổ này, đã cụ thể hoá ý đồ nghệ thuật của Kim Lân khi viết *Vợ nhặt* : “...Khi đói người ta không nghĩ đến con đường chết mà chỉ nghĩ đến con đường sống. Dù ở trong tình huống bi thảm đến đâu, dù kề bên cái chết vẫn khao khát hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hi vọng vào tương lai, vẫn muốn sống, sống cho ra người”<sup>(1)</sup>.

---

(1) *Nhà văn Kim Lân nói về truyện Vợ nhặt*, trong Hà Minh Đức (biên soạn và sưu tầm), *Nhà văn nói về tác phẩm*, NXB Văn học, Hà Nội, 1994.

Kim Lân đã có những phát hiện tinh tế và sâu sắc niềm khát khao hạnh phúc gia đình của nhân vật Tràng. Sự kiện bất ngờ nhất được vợ làm thay đổi cuộc đời và số phận của Tràng. Trên đường dẫn vợ về nhà, Tràng như đã thành một con người khác : “Mặt hấn có một vẻ gì phớn phở khác thường. Hấn tủm tủm cười nụ một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh”. Trước con mắt tò mò của người dân xóm ngụ cư, người đàn bà càng thêm “ngượng nghịu, chân nọ bước díu cả vào chân kia”, còn Tràng “lại lấy vậy làm thích ý lắm, cái mặt cứ vênh lên tự đắc với mình”. Nhưng chính Tràng cũng không khỏi có lúc “cứ lúng ta lúng túng, tay nọ xoa xoa vào vai kia đi bên người đàn bà”. Kim Lân đã diễn tả vừa cụ thể, vừa sinh động niềm khao khát tổ ấm gia đình và tình thương giữa những con người nghèo khổ đã vượt lên tất cả, bất chấp cả cái đói và cái chết : “Trong một lúc Tràng hình như quên hết những cảnh sống ê chề, tăm tối hàng ngày, quên cả cái đói khát ghê gớm đang đe dọa, quên cả những tháng ngày trước mặt. Trong lòng hấn bấy giờ chỉ còn tình nghĩa giữa hấn với người đàn bà đi bên. Một cái gì mới mẻ, lạ lắm, chưa từng thấy ở người đàn ông nghèo khổ ấy, nó ôm ấp, mơn man khắp da thịt Tràng, tựa hồ như có bàn tay vuốt nhẹ trên sống lưng”. Buổi sáng đầu tiên khi có vợ, Tràng thực sự thấy cuộc đời mình từ đây đã thay đổi hẳn. Tràng cảm thấy “trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra” ; chợt nhận ra “xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ”. Trong những giờ phút có tính chất bước ngoặt ấy, con người ta bỗng thấy mình trưởng thành. Niềm vui sướng, hạnh phúc của Tràng đã gắn liền với ý thức về bổn phận, trách nhiệm : “Bỗng nhiên hấn thấy hấn thương yêu gắn bó với cái nhà của hấn lạ lùng”, “một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng”, “bây giờ hấn mới thấy hấn nên người, hấn thấy hấn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này”.

Khi hướng dẫn HS tìm hiểu đoạn văn viết về tâm trạng của Tràng vào buổi sáng đầu tiên khi có vợ, GV có thể nêu những câu hỏi : Niềm vui của Tràng đến từ đâu ? Hạnh phúc có một mái ấm gia đình đến với Tràng qua những dấu hiệu nào ? Vì sao những cảnh đổi thay hết sức đơn giản cũng làm cho Tràng cảm động ?

#### *Câu 5*

- Bỗng nhiên, Tràng có vợ theo không về, tâm trạng bà cụ Tứ lẫn lộn buồn vui.
- Bà cụ Tứ từ chỗ thương con trai mình lại chuyển sang thương người con dâu. Bà cụ nghĩ đến thân phận của con, bổn phận làm mẹ chưa tròn của mình, tương lai chưa biết ra sao của con, nghĩ đến đứa con dâu tội nghiệp.

Tấm lòng của bà cụ Tứ không chỉ là tình thương con mà còn là đức tính vị tha cao cả. Đó là vẻ đẹp tâm hồn của người mẹ nghèo khổ Việt Nam.

GV dựa vào mục *Đặc điểm bài học* để hướng dẫn HS tìm hiểu vấn đề trên.

### **Câu 6**

Những câu hỏi trên đã ít nhiều đề cập tới nghệ thuật viết truyện ngắn của Kim Lân.

Ngoài việc phân tích những sáng tạo của nhà văn trong cách xây dựng tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn, GV cần hướng dẫn cho HS nắm được một số phương diện sau :

– Nghệ thuật kể chuyện tự nhiên mà hấp dẫn. Cách dẫn dắt câu chuyện tự nhiên, giản dị, chặt chẽ. Kim Lân đã khéo léo làm nổi bật sự đối lập giữa hoàn cảnh và tính cách nhân vật.

– Dựng cảnh sinh động, có nhiều chi tiết đặc sắc.

– Đối thoại sinh động, hấp dẫn, làm rõ tâm lí của từng nhân vật.

– Miêu tả tâm lí tinh tế.

– Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, gần với khẩu ngữ nhưng được chất lọc kĩ lưỡng ; do đó tạo được sức gợi đáng kể.

c) Tổng kết, ghi nhớ

GV hướng dẫn HS tổng kết, nêu giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo sâu sắc và đặc sắc về nghệ thuật của truyện ngắn *Vợ nhặt*, dẫn đến phần *Ghi nhớ* trong SGK.

d) Một số gợi ý tìm hiểu tác phẩm

– *Về tình huống truyện :*

Tình huống độc đáo của truyện được bộc lộ ngay trong nhan đề : *Vợ nhặt*. Một thứ vợ do nhặt được, nhặt một cách ngẫu nhiên (chứ không phải vợ cưới). Đây là một tình huống vừa kì quặc, vừa oái ăm, vừa vui mừng, vừa bi thảm. Trong lúc mọi người đang đói quay quắt, lo nuôi thân còn chẳng xong mà Tràng lại còn dám “đèo bồng”. Một anh nông dân xấu trai, nghèo xác nghèo xơ, lại là dân ngụ cư (bị khinh bỉ), bỗng nhiên có vợ theo về. Không quen biết, cũng chẳng cần đến ăn hỏi, cheo cưới, chỉ cần có mấy lời tầm phào và vài bát bánh đúc mà có vợ. Cái giá của một con người thật là rẻ rúng.

Tình huống nói trên của truyện đã làm nổi bật một sự thật thê thảm của người nông dân trước Cách mạng. Đó là nạn đói khủng khiếp năm 1945. Cái sự thực bi thảm đó hắt bóng đen lên từng trang viết, ám ảnh từ đầu đến cuối tác phẩm. Nhà văn Kim Lân, bằng tài năng của mình, đã miêu tả nạn đói có một không hai trong lịch sử dân tộc bằng những chi tiết cụ thể, chân thật, giàu ý nghĩa nghệ thuật.

Cái đói đã tràn vào xóm chợ của những người ngụ cư tự lúc nào, làm đảo lộn cảnh sinh hoạt của xóm nhỏ tồi tàn ấy. Kim Lân đã dựng nên một bức tranh âm đạm bao trùm lên xóm ngụ cư. Không còn tiếng trẻ con trêu đùa làm cho cái xóm chợ xôn xao lên vào lúc chạng vạng mặt người mỗi buổi chiều khi Tràng đi làm về. Thay vào đó là hình ảnh lũ trẻ con “ngồi ủ rũ dưới những xó tường không buồn nhúc nhích”. Và trên con đường “khằng khiu” luôn qua xóm chợ vào trong bến, Tràng cũng không còn vừa đi vừa tùm tùm cười nữa mà đi “từng bước mệt mỏi, chiếc áo nâu tàng vắt sang một bên cánh tay, cái đầu trọc nhẵn cúi về đằng trước”. Bao quát hơn, nhà văn đã miêu tả những kẻ đói khát, những người hành khất từ những vùng Nam Định, Thái Bình “đội chiếu lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma, và nằm ngổn ngang khắp lều chợ”. Một không khí chết chóc thê thảm bao trùm lên xóm chợ : “Người chết như ngã rạ. Không buổi sáng nào người trong làng đi chợ, đi làm đồng không gặp ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người”. Kim Lân cứ từ tốn, lặng lẽ miêu tả, vậy mà những dòng chữ của ông có sức tố cáo mãnh liệt. Tội ác tày trời ấy chính là do giặc Pháp, giặc Nhật, một mặt thi nhau vơ vét thóc gạo, mặt khác lại bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay để phục vụ chiến tranh.

Nạn đói khủng khiếp năm 1945, qua ngòi bút Kim Lân, còn ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc đời và số phận của mỗi con người. Cái đói đã đẩy những người dân lao động bình thường, cực chẳng đã, phải từ bỏ lòng tự trọng và danh dự vốn có của mình. Người đàn bà là vợ theo của Tràng hiện lên như một con ma đói : “áo quần tả toi như tổ đĩa, thị gầy sọp hẳn đi, trên cái khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt”. Chưa xót hơn nữa, chuyện tỏ tình giờ đây chỉ còn trơ trọi là một câu chuyện sà vào miếng ăn :

“– Có ăn gì thì ăn, chả ăn giầu.

Thị vẫn đứng cong cớn trước mặt hắn.

– Đấy, muốn ăn gì thì ăn.

Hấn vỗ vỗ vào túi.

– Rích bố cu, hớ!

Hai con mắt trũng hoáy của thị tức thì sáng lên, thị đơn đả :

– Ăn thật nhá ! Ừ ăn thì ăn sợ gì.

Thế là thị ngồi sà xuống, ăn thật. Thị cầm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì. Ăn xong thị cầm dĩa đôi đũa quệt ngang miệng, thở :

– Hà, ngon ! Về chị ấy thấy hụt tiền thì bỏ bố.

Hấn cười :

– Làm đếch gì có vợ. Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về”.

Chỉ có bốn bát bánh đúc mà theo không một anh chàng xấu trai, gặp tầm phơ tầm phào ở giữa đường. Chỉ có hai hào dầu thấp tối chuẩn bị cho đêm tân hôn mà đã được gọi là “sang”, là “hoang” phí lảm lảm. Ngay cả đến bữa cơm đầu tiên sau ngày có nàng dâu cũng thật thê thảm : “Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại. Giữa cái mẹt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, và một đĩa muối ăn với cháo”. “Niều cháo lộng bông, mỗi người được có lưng lưng hai bát đã hết nhẵn”. Cực chẳng đã, bà mẹ chồng đành phải thết nàng dâu cái món cháo cám mà bà gọi là “chè khoán”. “Bữa cơm từ đấy không ai nói câu gì, họ cầm đầu ăn cho xong lần, họ tránh nhìn mặt nhau. Một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người”.

Người đàn bà đói khát bỗng dung có nơi nương tựa, và Tràng bỗng nhiên mà có vợ – trong cảnh ngộ cụ thể của họ – là một niềm vui, niềm hạnh phúc. Thế nhưng, cái đói và cái chết vẫn bám riết, đe dọa niềm vui và niềm hạnh phúc quá đổi mong manh của vợ chồng Tràng. Không khí thê lương, ảm đạm, chết chóc như vẫn bao phủ căn nhà tuềnh toàng của họ : “Mùi đống rấm ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt”. “Giữa sự im lặng của đôi vợ chồng mới, có tiếng ai hờ khóc ngoài xóm lọt vào tỉ tê lúc to lúc nhỏ”. Và “trong đêm khuya tiếng hờ khóc tỉ tê nghe càng rõ”.

Miêu tả cảnh nhạt vợ diễn ra âm thầm, buồn tủi, thiên truyện ngắn này đã làm nổi bật số phận bi thảm của người nông dân trước Cách mạng. Lấy vợ, lấy chồng là một sự kiện vui mừng lớn lao trong đời mỗi con người, nhưng trong trường hợp của Tràng, niềm vui đó diễn ra dưới sự rập rình đe dọa của cái nghèo, cái đói.



Song, giá trị nhân bản của *Vợ nhặt* không chỉ nằm ở lời kết tội danh thêp giặc Pháp và Nhật. Qua ngòi bút của Kim Lân, những con người đói khát đến mức gần kề cái chết vẫn khao khát hạnh phúc, khao khát tổ ấm gia đình, vẫn cưu mang đùm bọc lẫn nhau và vẫn không bao giờ cạn kiệt niềm tin vào tương lai, hi vọng. Người đàn bà đói rách sở dĩ tự nguyện theo không Tràng, một phần vì tìm thấy ở anh một cử chỉ hào hiệp : sẵn lòng cho một người xa lạ một miếng ăn giữa lúc người chết đói như ngã rạ. Và chính Tràng cũng không ngờ người đàn bà lại theo mình một cách dễ dàng như vậy. “Tràng cũng tưởng là nói đùa, ai ngờ thị về thật. Mới đầu anh chàng cũng chợn, nghĩ : thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bồng”. Nhưng rồi sau một cái “tặc lưỡi”, Tràng đã đánh đổi tất cả để có được một người vợ, có được hạnh phúc. Cái quyết định có vẻ liều lĩnh ấy nói lên rằng, từ trong sâu thẳm của tiềm thức, con người vẫn khao khát hạnh phúc, bất chấp sự đe dọa của cái đói, cái chết. Niềm khao khát đầy tính nhân bản ấy là trường tồn, là bất diệt, và chính nhờ nó mà con người mãi mãi tồn tại trên cõi đời này.

– *Về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật :*

Đặt nhân vật vào một tình huống vừa kì quặc vừa oái ăm, vừa mừng vui vừa bi thảm, Kim Lân đã theo dõi sự diễn biến tâm lí của nhân vật. Chính những trang phân tích và diễn tả tâm lí sắc sảo, hóm hỉnh và tinh tế đã đem đến cho thiên truyện một sức hấp dẫn thực sự.

Người đàn bà “chao chát chóng lỏn” là thế, khi lâm vào cái cảnh phải theo không Tràng, trong lòng vừa tủi phận, vừa e thẹn, ngượng ngập. Trước cái vẻ “phớn phở”, “túm tím cười nụ một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh” của Tràng, cái vẻ e thẹn, ngượng ngập của thị càng nổi bật hơn : “Thị cắp cái thúng con, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt. Thị có vẻ rón rén, e thẹn”. Cái dáng vẻ ấy của thị không giấu nổi những cặp mắt tò mò của xóm ngụ cư. Người ta thấy thị “thẹn thẹn hay đáo để”. Khi nhận thấy những người xung quanh đang nhìn dồn cả về phía mình, “thị càng ngượng nghịu, chân nọ bước dúi cả vào chân kia”. Cả đến khi gặp bà cụ Tứ, thị vẫn còn e thẹn và khép nép. Kim Lân, qua những chi tiết miêu tả này, đã chứng tỏ sự thấu hiểu tình cảnh tội nghiệp của người vợ nhặt. Hoàn cảnh tàn nhẫn xô đẩy chị có lúc thành ra kẻ cong cớn, trơ trẽn, trâng tráo, nhưng bản chất chị không phải là một người như vậy. Chị chưa mất đi cái e thẹn, ngượng ngập, tủi hổ khi bị rơi vào cảnh ngộ trớ trêu.

Người đàn bà theo không Tràng trước hết là để có một nơi nương tựa để khỏi chết đói. Chính vì thế nên khi đã nhìn thấy cái nhà “vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại”, khi đã đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực “gầy lép” của thị “nhô hẳn lên, nén một tiếng thở dài”. Té ra, cái gia cảnh của anh chàng vừa mới ban chiều còn khoe là “rích bố cu” là thế này đây ! Đáp lại lời thanh minh của Tràng, thị “nhếch mép cười nhạt nhẽo”. Đã chấp nhận theo không một người xa lạ, xấu trai, ế vợ mà vẫn không sao tránh khỏi cái đói. Nhưng ngòi bút nhân hậu của Kim Lân không nở khoét sâu vào cảnh trớ trêu ấy. Không tìm được sự no ấm nhưng người đàn bà đã tìm thấy sự đầm ấm của một gia đình. Và ngòi bút của Kim Lân đã miêu tả thật tinh tế và cảm động những bước chân ngượng ngập, e thẹn trên đường về nhà chồng, cái dáng điệu khép nép trước bà mẹ chồng của người vợ nhạt. Rồi tiếng chào u lúng túng, và cả những lời đối đáp, cái “phát đánh đét” vào lưng, cái củng vào trán Tràng kèm theo một tiếng “do” đã đem đến cho người đàn bà tội nghiệp cái hạnh phúc của một nàng dâu đích thực. Cái hạnh phúc ấy đã đem đến một sự đổi thay thật sự trong tính cách của người đàn bà, đến nỗi làm cho Tràng phải ngạc nhiên : “Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không còn vẻ gì chao chát chỏng lỏn như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh”.

Giá trị nhân bản của *Vợ nhạt* sẽ giảm đi rất nhiều nếu thiên truyện thiếu vắng nhân vật bà cụ Tứ. Đặt nhân vật vào hoàn cảnh hoàn toàn bất ngờ trước tình huống đưa con trai vào giữa những ngày đói khủng khiếp, bỗng dung nhạt được vợ về, nhà vẫn đã theo dõi, phân tích diễn biến tâm lí của nhân vật, qua đó, làm nổi bật chủ đề của tác phẩm.

Thấy Tràng “reo lên như một đứa trẻ”, vồn vã khác thường khi thấy mẹ “lọng khọng” đi vào ngõ, tâm trạng bà cụ Tứ cũng trở nên “phấp phồng”. Có cái gì đó bất thường đang chờ đợi bà. “Đến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn”. Kim Lân đã khéo chọn ngôn ngữ độc thoại nội tâm để diễn tả tâm trạng đầy ngạc nhiên của bà cụ : “Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia ? Sao lại chào mình bằng u ? Không phải con cái Đục mà. Ai thế nhỉ ?”. Bà lão nhìn kĩ người đàn bà lần nữa nhưng vẫn không nhận ra người nào. Sự ngạc nhiên ấy còn được bộc lộ qua bước chân “lập cập” của bà lão. Bà cụ Tứ càng ngạc nhiên hơn khi nghe thấy

tiếng người đàn bà xa lạ chào mình bằng u. Và cho tới khi nghe Tràng phân trần, cắt nghĩa, bà cụ mới hiểu. “Bà lão cúi đầu nín lặng”. Một sự im lặng chất chứa biết bao suy nghĩ. “Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không”.

Ở đây, cần phải thấy cái tinh tế của ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật của Kim Lân. Nếu như khi nhận rõ gia cảnh nhà Tràng, người đàn bà còn đủ sức “nén một tiếng thở dài”, thì bà cụ Tứ, khi đã thấu hiểu cơ sự của con đã không sao giấu nổi sự ngao ngán của mình. “Bà lão khẽ thở dài ngẩng lên, đăm đăm nhìn người đàn bà”. Và từ chỗ xót xa cho đứa con trai, bà lão chuyển sang thương xót người đàn bà. Người mẹ nghèo, nhân hậu, giàu lòng vị tha, rất mực nhạy cảm ấy đã thấu hiểu ngay cái cảnh ngộ của người phụ nữ xa lạ bỗng trở thành con dâu của mình. Ngôn ngữ độc thoại nội tâm của nhân vật, lại một lần nữa, diễn tả chân thật và cảm động những suy nghĩ âm thầm của người mẹ : “Người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được... Thôi thì bốn phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng được cho con... May ra mà qua khỏi được cái tao đoạn này thì thằng con bà cũng có vợ, nó yên bề nó, chẳng may ra ông giời bắt chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo cho hết được?”.

Diễn biến của truyện *Vợ nhặt* đến đây đã lên tới đỉnh điểm. Tất cả các nhân vật đều sống trong một tâm trạng căng thẳng. Người ta chờ đợi tiếng nói phán quyết của người mẹ.

Sau khi khẽ dặng háng một tiếng, bà lão ôn tồn, “nhẹ nhàng” nói với nàng dâu :

“Ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng...” Nghe lời nói ấy, “Tràng thở đánh phào một cái, ngực nhẹ hẳn đi”. Lời nói ấy cũng trả lại danh dự nàng dâu cho người đàn bà là vợ nhặt.

Người ta bảo người già cả nghĩ. Bà cụ Tứ vẫn không hết lo lắng, từ tốn dặn dò nàng dâu mới : “Nhà ta thì nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi ra may mà ông giời cho khá... Biết thế nào hở con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời ? Có ra thì rồi con cái chúng mày về sau...”.

Tâm trạng bà cụ Tứ lẫn lộn buồn vui, lo lắng. Niềm vui của người mẹ nghèo khổ trong cảnh ngộ này thật tội nghiệp. Nó trở nên héo hắt vì không sao thoát ra khỏi nỗi ám ảnh của sự buồn tủi, xót thương. “Bà lão thở nhẹ ra một hơi dài. Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà lão nghĩ đến cuộc đời cực khổ dài đằng đặc của mình. Vợ chồng chúng nó lấy nhau, cuộc đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ trước kia không?”. Song nổi bật hơn cả vẫn là tấm lòng thương xót của bà cụ Tứ. “Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót”. Và cũng như biết bao bà mẹ nhân từ khác, bà cụ Tứ những mong con dâu mình hoà thuận : “Cốt làm sao chúng mày hoà thuận là u mừng rồi. Năm nay thì đói to đấy. Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá”. Bà cụ Tứ ghen lời không nói được nữa, “nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng”.

Vậy là, đặt nhân vật vào tình huống độc đáo, Kim Lân đã miêu tả thành công nhân vật với những tâm trạng khác nhau, mỗi người một vẻ. Tràng thì có vẻ phờ phơ tự đắc, người đàn bà thì có vẻ ngượng ngập và tủi hổ, còn bà cụ Tứ thì vừa ai oán xót thương vừa lo lắng cho cảnh ngộ của dâu con.

Theo lời của Kim Lân, viết *Vợ nhặt*, ông không muốn chìm người đọc trong cái buồn, cái khổ, cái đói. “Khi viết về cái đói thường mọi người có ý nghĩ là khi đói người ta khổ cực và chỉ muốn chết. Tôi định viết một số truyện ngắn nhưng với ý khác là khi đói người ta không nghĩ đến con đường chết mà chỉ nghĩ đến con đường sống. Dù ở trong tình huống bi thảm đến đâu, dù kề bên cái chết vẫn khát khao hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hi vọng ở tương lai, vẫn muốn sống, sống cho ra người”<sup>(1)</sup>.

Ý đồ nghệ thuật ấy đã khiến ngòi bút Kim Lân miêu tả diễn biến tâm trạng của các nhân vật chuyển biến theo một chiều hướng tích cực. Tâm trạng của bà cụ Tứ cũng diễn biến theo chiều hướng chung ấy. Sự xuất hiện của nàng dâu mới đã đem đến cho cái gia đình nghèo khổ này một không khí “đằm ấm, hoà hợp” chưa bao giờ có. Trong không khí ấy, bà cụ Tứ thấy “nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên”. Cùng với nàng dâu, bà cụ xăm xắn thu dọn, quét tước nhà cửa. Một ý thức về bổn phận và trách nhiệm sâu sắc hơn nảy sinh ở tất cả các thành viên của gia đình : “Hình như ai nấy đều có ý nghĩ rằng thu xếp cửa nhà cho quang quẻ, nề nếp thì cuộc đời họ có thể khác đi, làm ăn có cơ

---

(1) *Nhà văn Kim Lân nói về truyện Vợ nhặt*, trong Hà Minh Đức (biên soạn và sưu tầm), *Nhà văn nói về tác phẩm*, Sđd.

khám khá hơn”. Người mẹ từng trải và nhân hậu ấy đã bằng mọi cách nhen nhóm một niềm vui, niềm hi vọng cho cháu con của mình. “Bà cụ nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau”. Chính niềm vui, niềm tin vào cuộc sống ngày mai ấy đã hướng con người vào những hành động thiết thực để tạo dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn.

### III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

#### 1. Kiểm tra, đánh giá

Hướng kiểm tra, đánh giá : Sức sống kì diệu của người lao động thể hiện ở niềm khát khao tổ ấm gia đình và tình thương giữa những con người nghèo khổ qua nhân vật Tràng và bà cụ Tứ.

#### 2. Gợi ý giải bài tập

##### *Bài tập 1*

HS có thể lựa chọn bất cứ đoạn văn nào trong tác phẩm, miễn là đoạn văn đó hay, đặc sắc. GV hướng dẫn để HS phân tích và chỉ ra cái hay của đoạn văn, cái đặc sắc của chi tiết nghệ thuật mà mình lựa chọn.

##### *Bài tập 2*

Đoạn kết của truyện ngắn *Vợ nhặt* có ý nghĩa quan trọng trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm. Truyện được khép lại bằng hình ảnh đoàn người đi phá kho thóc của Nhật và hình ảnh lá cờ đỏ của Việt Minh phấp phới bay trong đầu óc Tràng. Những hình ảnh này đối lập với những hình ảnh thâm trầm về cuộc sống của người nông dân trong nạn đói khủng khiếp năm 1945, được tác giả miêu tả ở phần đầu của thiên truyện. Cái kết thúc như vậy gợi ra xu hướng phát triển theo chiều hướng tích cực của tác phẩm : Khi bị đẩy vào tình trạng đói khổ cùng đường, thì người nông dân lao động sẽ hướng tới cách mạng. Đây cũng là xu hướng vận động chủ yếu của văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975.

### IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Hà Minh Đức (biên soạn và sưu tầm), *Nhà văn nói về tác phẩm*, Sdd.